

Mức độ hài lòng của người học đối với mô hình Lớp học đảo ngược

Nguyễn Thị Yến Linh*, Danh Út*

*Trường Đại học Trà Vinh

Received: 28/02/2024; Accepted: 01/3/2024; Published: 04/3/2024

Abstract: The flipped classroom concept is used to investigate learner satisfaction while studying the Animal Biology module. This study includes 39 first-year students from the University of Veterinary Medicine class of 2023. Using qualitative description, the study was designed with a questionnaire that had 13 questions and two open-ended questions for participants to ask. To discover more about the effect of the flipped classroom learning model on student satisfaction, select an answer option ranging from “Strongly Disagree” to “Strongly Agree”. The findings indicated that students showed interest in and satisfaction with the flipped classroom model, even though it was their first time participating in it; encourage students to use the LMS system to receive video learning materials and self-study materials from instructors in advance. At the same time, students’ interaction and critical thinking skills developed considerably.

Keywords: Flipped classroom, learner satisfaction, Animal Biology, questionnaire

1. Đặt vấn đề

Việc giảng dạy các học phần tự nhiên trong chương trình giáo dục (GD) đại cương ở các trường đại học (ĐH) có vai trò rất quan trọng. Các học phần này là điều kiện tiên quyết để người học có thể lĩnh hội kiến thức một cách dễ dàng hơn trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Việc lựa chọn phương pháp (PP) phù hợp để giảng dạy cho từng nội dung trong các học phần đại cương là điều không thể dễ dàng đối với giảng viên (GV). Họ phải thử nghiệm lồng ghép nhiều PP và kỹ thuật giảng dạy khác nhau để tìm ra giải pháp hữu hiệu nhằm giúp người học hứng thú với nội dung và lĩnh hội tri thức một cách hiệu quả nhất. Trong đó, học phần Sinh học động vật cũng được bố trí trong chương trình GD đại cương của ngành Thú y. Đây là học phần khoa học thực nghiệm, đòi hỏi người học phải có kiến thức về cấu trúc, chức năng và các cơ chế sinh học diễn ra trong cơ thể động vật trước khi tham gia thực hành tại phòng thí nghiệm. Việc học tập tại phòng lý thuyết, thường làm cho người học thụ động, mơ hồ và thiếu hứng thú trong việc tiếp thu kiến thức khoa học. Vì vậy, một mô hình học tập có thể được sử dụng trong việc học bằng cách sử dụng công nghệ là mô hình Lớp học đảo ngược (LHĐN). Đây là mô hình học tập sử dụng video làm phương tiện giảng dạy. Những video này sẽ chứa lời giải thích về nội dung sẽ được thảo luận trong lớp. SV và GV có thể truy cập video này với sự trợ giúp của internet. Ngoài ra, các video học tập cũng có thể được xem đi xem lại mọi lúc,

mọi nơi để giúp SV dễ hiểu nội dung được trình bày hơn. Hơn nữa, GV có thể tận dụng thời gian trên lớp để củng cố bài học dưới dạng câu hỏi thực nghiệm và các hướng dẫn khác. Nói cách khác, vai trò của video trong mô hình học tập lớp học đảo ngược là giảm thiểu thời gian GV giải thích tài liệu trước lớp.

Trong phần lớn các tài liệu hiện có, khái niệm LHĐN được đặc trưng bởi các hoạt động trước và sau giờ học. Các hoạt động trong lớp tập trung vào việc học tập lẫn nhau, học tập tích cực và giải quyết vấn đề; sự thay đổi trong việc sử dụng thời gian trong lớp và ngoài giờ học; và quan trọng nhất là việc sử dụng công nghệ video trong giảng dạy. Theo Alamri (2019), “LHĐN tích hợp việc sử dụng thường xuyên và có hệ thống các công nghệ tương tác trong quá trình học tập”. Ngoài ra, LHĐN là “một PP sư phạm mới, sử dụng các bài giảng video không đồng bộ và các vấn đề thực hành làm bài tập về nhà cũng như các hoạt động giải quyết vấn đề theo nhóm, tích cực trong lớp học” [1]. Lớp học đảo ngược dựa trên cả mô hình học tập tích cực của Dewey và Piaget, trong đó người ta đưa ra giả thuyết rằng việc học có hiệu quả khi người học hành động theo ý tưởng, thay vì chỉ sao chép chúng. Nó hỗ trợ việc học tập, tham khảo kiến thức ngoài giờ học được giao để SV năng động và sáng tạo hơn trong môi trường học tập hợp tác và có kiểm soát. Một trong những ưu điểm chính của LHĐN là nó thu hút nhiều nhóm người học đa dạng và không bị giới hạn trong một lĩnh vực nội dung hoặc chương trình giảng dạy cụ thể.

Theo Jonsson (2015), mô hình LHDN là mô hình học tập được xây dựng bằng cách giảm thiểu thời lượng giảng dạy trực tiếp trên lớp thông qua việc tối đa hóa sự tương tác với nhau. Bằng cách sử dụng công nghệ, mô hình học tập này cung cấp thêm tài liệu học tập trực tuyến cho SV. Điều này giảm tính thụ trên lớp mà trước đây các lớp học truyền thống thường được sử dụng. Mô hình LHDN về cơ bản dựa vào việc sử dụng một số công cụ và công nghệ kỹ thuật số đang hoạt động như video, bài thuyết trình và trang web, nhưng video là công nghệ mới nhất để đảo ngược việc sử dụng việc học. Video rất dễ thực hiện, phổ biến và có sẵn ở mọi nơi. GV có trách nhiệm cung cấp tài nguyên học tập theo mô hình học ngược bằng cách tự thiết kế hoặc sưu tầm trên internet. Những tài nguyên này cần được chuẩn bị với chất lượng cao, được thiết kế đơn giản và liên kết với nội dung giáo dục có mục tiêu. Hơn nữa, người ta còn nhận thấy rằng mô hình LHDN có thể tăng hoạt động của SV từ 45% đến 85% và kết quả học tập của SV lên 75%. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của Polat và Karabatak (2022) chỉ ra rằng, mô hình LHDN là mô hình trong quá trình học, SV tham khảo bài học từ các video tài liệu ở nhà trước khi vào lớp và các hoạt động dạy và học trên lớp dưới dạng bài tập, thảo luận về tài liệu hoặc các vấn đề mà SV chưa hiểu. Những khó khăn về nội dung tài liệu, SV có thể trao đổi trực tiếp với bạn bè hoặc với GV để có thể giải quyết ngay trên lớp học trực tiếp, vì thế, GV sử dụng mô hình LHDN là cơ hội để tăng sự tương tác giữa người dạy và người học và giữa những người học với nhau. Đồng thời, SV cũng rất hứng thú với việc được xem các video và tài liệu hướng dẫn ở nhà. Cách học này làm cho lớp học trở nên sôi nổi và SV đạt được kết quả cao hơn so với lớp học truyền thống. Dựa vào lý giải trên, bài viết quan tâm đến việc tiến hành nghiên cứu về sự hài lòng của người học trong LHDN đối với học phần *Sinh học động vật*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế định tính được phát triển bởi Creswell Model (2012). Đối tượng tham gia gồm 39 SV lớp Đại học Thú y khoá 2023 (DA23TYA – 19 SV; DA23TYB – 20 SV). Việc lựa chọn người tham gia trong nghiên cứu vì những lý do sau, thứ nhất, những người được chọn có khả năng nghiên cứu tài liệu và chịu khó học tập. Thứ hai, họ là những SV đam mê với ngành học và thích thú được trải nghiệm PP học tập mới. Cuối cùng, đây là những SV được phụ huynh trang bị máy tính xách tay để học tập.

Công cụ được sử dụng trong nghiên cứu này bằng câu hỏi (13 câu hỏi điều tra và 2 câu hỏi mở). Các câu hỏi được phát triển bằng cách sử dụng Thang đo Likert bao gồm 13 câu được chia theo tỷ lệ 5 điểm, bắt đầu từ Rất không đồng ý (1), Không đồng ý (2) Trung lập (3), Đồng ý (4) và Rất đồng ý (5). Phản ứng của SV đối với các câu hỏi là khác nhau. Bảng câu hỏi được đưa ra để đo lường sự hài lòng của SV sau khi sử dụng LHDN trong học phần *Sinh học động vật*. Kết quả của bảng câu hỏi được phân tích bằng cách sử dụng điểm trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD).

2.2. Kết quả và thảo luận

*Kết quả

Bảng 2.1: Sự hài lòng của người học với lớp học đảo ngược (n=39)

TT	Nội dung câu hỏi	Trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)
1	Mô hình lớp học đảo ngược phù hợp với năng lực người học.	4,02	0,67
2	Kiến thức của bản thân được cải thiện sau khi học học phần Sinh học động vật	4,13	0,68
3	LHDN cung cấp tài liệu học tập (video bài giảng, tài liệu tham khảo, bài ôn tập, kiểm tra...) rõ ràng	4,16	0,59
4	Cải thiện KN giao tiếp trong LHDN		
5	Rèn luyện KN tư duy phản biện trong mỗi buổi học của LHDN	4,04	0,68
6	Hệ thống LMS (Learning Management System) của Nhà trường hỗ trợ hiệu quả cho LHDN	3,98	0,64
7	Tăng cường khả năng tương tác giữa GV và SV, giữa SV và SV	4,21	0,62
8	Tăng tính hứng thú của SV trong LHDN	4,17	0,63
9	Cải thiện KN sử dụng máy tính, internet và nghiên cứu tài liệu	3,81	0,61
10	Chủ động được thời gian và không gian tham khảo tài liệu học tập	4,02	0,61
11	Chủ động học tập và sáng tạo trong mô hình lớp học đảo ngược	3,96	0,62
12	Dễ dàng ứng dụng hệ thống LMS trong LHDN	4,06	0,63
13	Mong muốn được áp dụng mô hình đảo ngược trong các học phần tiếp theo	4,08	0,61

Kết quả tại bảng 2.1 thể hiện, khả năng tương tác giữa giảng viên - sinh viên và giữa các sinh viên với nhau chiếm điểm cao nhất (M=4,21; SD=0,62); đứng thứ hai là LHDN giúp tăng tính hứng thú học tập và lĩnh hội tri thức của người học (M=4,17; SD=0,63); vị trí thứ ba, các tài liệu được cung cấp cho SV một cách rõ ràng trong LHDN (M=4,16; SD=0,59); nhóm còn

lại có điểm trung bình từ $M=3,81$ đến $M=4,13$.

*Thảo luận

Điểm trung bình của mỗi câu đều đạt mức 3,81 trở lên. Những người tham gia nghiên cứu hài lòng với mô hình LHDN được triển khai trong học phần Sinh học động vật. SV sử dụng lớp học đảo ngược giúp họ tăng cường khả năng tương tác giữa GV và SV, giữa SV và SV. SV được cung cấp bởi hai mô hình học tập, bên ngoài và bên trong lớp học, một hoạt động tích hợp và phức tạp xảy ra trong việc thảo luận một chủ đề nào đó được đặt ra trong buổi học.

LHDN giúp SV trở nên năng động và hứng thú hơn. Bằng cách đảo lớp, người học dễ dàng lĩnh hội được nội dung môn học, giúp người học thích thú với nhiệm vụ của họ. Ngoài ra, SV nhận thấy rằng việc học tập của họ được cải thiện thông qua việc giải quyết các vấn đề mà GV đặt ra càng lúc càng nhanh nhạy hơn. Đồng thời KN tư duy phản biện của họ cũng được cải thiện đáng kể. Kết hợp nhiều PP khác nhau trong LHDN tạo tính tò mò, hứng thú và năng động hơn cho SV.

SV tin rằng tài liệu học tập được cung cấp dưới nhiều dạng khác nhau là rõ ràng. SV có cơ hội xem đi xem lại các video và tài liệu hướng dẫn cho đến khi hiểu được nội dung thảo luận được yêu cầu. Trong trường hợp này, GV có thể thiết kế hoặc sưu tầm các phiên bản tốt nhất trong việc lựa chọn tài liệu, PP và cách thức tiến hành LHDN. Cung cấp nhiều loại tài liệu học tập có chất lượng và sử dụng các phương thức truyền tải khác nhau có thể đóng một vai trò thiết yếu trong việc khuyến khích sự tham gia và đáp ứng sở thích học tập của SV. Vì vậy mỗi GV đóng vai trò quan trọng trong sự thành công của việc ứng dụng LHDN.

Ngoài ra, SV nhận thấy rằng LHDN cung cấp các công cụ hỗ trợ việc học thông qua hệ thống LMS, nhờ đó SV xem được video giảng dạy, đọc tài liệu, thảo luận tài liệu trong diễn đàn thảo luận và nộp bài tập. Những công cụ này cho phép SV hiểu kỹ các tài liệu trước khi đến lớp. LHDN cung cấp một số tính năng dưới dạng một bài kiểm tra trực tuyến ngắn và các công cụ giao tiếp điện tử giúp SV phản hồi nhanh các câu hỏi của GV. Vì vậy, mô hình học tập này làm cho việc học trở nên hiệu quả, thú vị và hấp dẫn. Do đó, nó thúc đẩy sự hài lòng của SV và giảm bớt áp lực trong học tập. Nếu nhìn ở một góc độ khác, việc thực hiện mô hình LHDN nhằm đào tạo người học hình thành tư duy phản biện trong suốt quá trình học tập, đây là một KN mềm quan trọng hỗ trợ cho SV sau khi tốt nghiệp. Có thể khẳng định rằng người học

có thể hoạt động độc lập để đọc, ôn và hiểu tài liệu bên ngoài lớp học. Sau đó, sự hiểu biết của người học về tài liệu sẽ được đưa vào lớp học. Các hoạt động được cung cấp trong lớp học bao gồm thảo luận, giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, làm việc nhóm và các hoạt động khác. Hoạt động này thúc đẩy việc học tập lấy SV làm trung tâm, trong đó GV đóng vai trò là người hướng dẫn.

SV đánh giá cao chất lượng và sự đa dạng của các hoạt động cũng như tài liệu được cung cấp trước và trong lớp. Điều này giúp SV nâng cao khả năng lĩnh hội kiến thức, đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và KN tư duy phản biện trước và trong các buổi học trên lớp. Đa số cho rằng các hoạt động trước lớp đã giúp họ chuẩn bị kiến thức cho việc học tập trong các buổi học trên lớp.

3. Kết luận

Vận dụng mô hình LHDN liên quan sâu sắc đến khả năng lĩnh hội kiến thức của người học về nguồn tài liệu đa dạng đã được cung cấp trước. Người học có nhiều cơ hội để thể hiện bản thân trên lớp học, điều này giúp họ tự tin và hứng thú hơn khi đến lớp. LHDN cũng được cho là giúp người học tăng cường khả năng giao tiếp và tương tác với những GV và bạn bè. Nghiên cứu này xác nhận rằng mô hình LHDN tạo điều kiện cho người học tiếp xúc nhiều với phần mềm, các nền tảng học tập và tăng cường KN g tư duy phản biện thông qua việc nghiên cứu tài liệu, tiếp thu thông tin, ý tưởng và phản ánh trải nghiệm tự học của họ.

Tài liệu tham khảo

- [1] L. Gong, R. Zhang, L. Wu, M. Tian, M. Wu, và W. Zhang, "Application of flipped classroom in college computer experiment course", trong *2018 International Symposium on Educational Technology (ISET)*, IEEE, 2018, tr 93–95
- [2] M. M. Alamri, "Students' academic achievement performance and satisfaction in a flipped classroom in Saudi Arabia", *Int. J. Technol. Enhanc. Learn.*, vol 11, số p.h 1, tr 103–119, tháng 1 2019, doi: 10.1504/IJTEL.2019.096786.
- [3] H. Al-Samarraie, A. Shamsuddin, và A. I. Alzahrani, "A flipped classroom model in higher education: a review of the evidence across disciplines", *Educ. Technol. Res. Dev.*, vol 68, số p.h 3, tr 1017–1051, tháng 6 2020, doi: 10.1007/s11423-019-09718-8.
- [4] H. Jonsson, "Using flipped classroom, peer discussion, and just-in-time teaching to increase learning in a programming course".